

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 678/TTr-STNMT ngày 21/02/2025; của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 370/BC-STP ngày 14/02/2025); ý kiến biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh (bằng Phiếu biểu quyết).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất và các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP và các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi hủy hoại đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04/10/2024 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác), gồm:

a) Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam, cá nhân nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân).

b) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

c) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Chương II

MỨC ĐỘ KHÔI PHỤC LẠI TÌNH TRẠNG BAN ĐẦU CỦA ĐẤT VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG CÓ TÍNH KHẢ THI ĐỂ KHÔI PHỤC LẠI TÌNH TRẠNG BAN ĐẦU CỦA ĐẤT TRƯỚC KHI VI PHẠM

Điều 3. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP

1. Hành vi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu là buộc khôi phục lại tầng đất đang canh tác với độ dày như trước khi vi phạm. Loại đất sử dụng để khôi phục lại tầng đất canh tác là loại đất cũ đã lấy đi; trường hợp đất cũ đã vận chuyển đi để sử dụng vào mục đích khác thì sử dụng đất có thành phần, tính chất tương đương với loại đất ban đầu hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

2. Hành vi làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng trước khi thực hiện hành vi vi phạm thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu là buộc thực hiện thu gom, vận chuyển các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng ra khỏi phạm vi diện tích đất vi phạm. Trường hợp sau khi thực hiện biện pháp khôi phục làm mất hoặc giảm độ dày của lớp đất mặt thì phải thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu của đất như quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hành vi gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp mà dẫn đến làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất đã được xác định thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu là thực hiện các biện pháp cải tạo đất (che phủ đất bằng vật liệu hữu cơ, luân canh cây trồng, tạo thảm thực vật, canh tác theo đường đồng mức, bón vôi, phân hữu cơ, điều chỉnh lượng nước tưới phù hợp với nhu cầu cây trồng, đắp bờ kè, phân tán dòng nước nhằm ngăn chặn dòng chảy bề mặt) để khôi phục sự màu mỡ của đất đảm bảo khả năng sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất tương đương với loại đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng; trường hợp xói mòn, rửa trôi làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác thì việc khôi phục tình trạng ban đầu của đất thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Mức độ khôi phục tình trạng ban đầu của đất đối với hành vi làm biến dạng địa hình đất quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP

1. Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu là thực hiện san gạt, đào, đắp, nâng cao, hạ thấp mặt bằng để điều chỉnh lại độ dốc bề mặt đất như trước khi vi phạm.

2. Hành vi hạ thấp bề mặt đất thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu là thực hiện san lấp, khôi phục lại độ cao bề mặt thửa đất trước khi vi phạm. Trường hợp bề mặt đất trước khi vi phạm cao hơn hiện trạng các thửa đất liền kề mà việc khôi phục lại độ cao bề mặt đất ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của thửa đất liền kề thì san lấp đất trở lại trạng thái bề mặt bằng với thửa đất liền kề có bề mặt cao nhất.

3. Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi) mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu là phải nạo vét, trả lại hiện trạng mặt nước chuyên dùng như trước khi vi phạm.

4. Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa, cải tạo đất nông nghiệp thành ruộng bậc thang và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận) thì mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu quy định như sau:

a) Thực hiện đào, nạo vét hạ thấp bề mặt hoặc san lấp, đắp nâng cao bề mặt đất để khôi phục lại độ cao bề mặt đất trước khi vi phạm đảm bảo khả năng sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất tương đương với loại đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp việc khôi phục theo quy định tại điểm a khoản này ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của thửa đất liền kề do bề mặt thửa đất trước khi vi phạm cao hơn hiện trạng các thửa đất liền kề thì thực hiện khôi phục lại độ cao bề mặt đất bằng với thửa đất liền kề có bề mặt cao nhất.

c) Trường hợp việc khôi phục theo quy định tại điểm a khoản này ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của thửa đất liền kề do bề mặt đất trước khi vi phạm thấp hơn hiện trạng các thửa đất liền kề, hiện trạng bề mặt đất đang vi phạm cao hơn hiện trạng thửa đất liền kề thì thực hiện khôi phục lại độ cao bề mặt đất bằng với thửa đất liền kề có bề mặt thấp nhất.

5. Trường hợp sau khi thực hiện khôi phục lại tình trạng của đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này mà làm mất, giảm độ dày của tầng đất canh tác hoặc thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp thì thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Điều 5. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP

Việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất không có tính khả thi trên thực địa trong các trường hợp sau:

1. Việc thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu là không thể thực hiện được bằng các biện pháp tối đa cần thiết có thể áp dụng được quy định tại Điều 3 Điều 4 quy định này tại thời điểm buộc khôi phục.

2. Việc thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu có thể gây nguy hiểm cho người, động vật, các phương tiện cơ giới, các công trình kiến trúc; gây sạt lở, vùi lấp, ngập úng đến khu đất xung quanh.

3. Trường hợp việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất có thể thực hiện được nhưng hiện trạng diện tích đất vi phạm phù hợp với kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ trường hợp người vi phạm đề nghị thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

4. Trường hợp việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất có thể thực hiện được nhưng không thể tiếp tục sử dụng đất sau khi khôi phục theo mục đích ban đầu do các yếu tố khách quan, trừ trường hợp người vi phạm đề nghị thực hiện khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Trách nhiệm xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Trong quá trình xem xét xử lý hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính (trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc cơ quan đó) có trách nhiệm xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất theo quy định tại Điều 5 Quy định.

2. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính căn cứ biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác định của cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính để quyết định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp cần thiết có thể đề nghị, yêu cầu ý kiến của cơ quan chuyên môn có liên quan để quyết định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, hồ sơ liên quan đến tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và các thông tin liên quan theo yêu cầu của người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất; phối hợp với cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính (trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc cơ quan đó) để xác định kết quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất của người vi phạm.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Ủy ban nhân dân các cấp và các sở, ngành, tổ chức đoàn thể có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện các nội dung Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh thì các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH